

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường tự do tháng 12 năm 2017

Theo số liệu Cục Thống kê Đắk Lắk:

Chỉ số giá tiêu dùng toàn tỉnh tháng 11/2017 tăng 0,09% so với tháng trước, tăng 1,47% so với tháng 12 năm trước và tăng 1,47% so với cùng kỳ năm trước. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,13% (Lương thực tăng 0,7%, thực phẩm tăng 0,03%, ăn uống ngoài gia đình ổn định). Ngoài ra, các nhóm hàng hóa và dịch vụ khác như may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,15%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,45%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,07%; giáo dục ổn định; giao thông giảm 0,27%; bưu chính viễn thông giảm 0,44%; văn hóa, giải trí và du lịch ổn định; đồ uống và thuốc lá tăng 0,24%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,16%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,07%.

I. Tình hình diễn biến giá cả thị trường tự do tháng 12/2017 như sau:

Nhìn chung hầu hết các mặt hàng lương thực, thực phẩm tăng, giảm so với tháng trước, cụ thể như sau:

1. Nhóm hàng lương thực:

Giá bình quân thóc tẻ và gạo các loại tăng không đáng kể so với tháng trước. Giá bán lẻ bình quân thóc tẻ: 6.900 - 7.000 đ/kg; Giá gạo tẻ các loại trong tháng 12/2017 với mức giá: Gạo tẻ ngon loại 1: từ 17.000 - 17.500 đ/kg, gạo tẻ loại thường: 12.000 - 13.500 đ/kg.

2. Nhóm hàng thực phẩm:

- Giá bình quân thịt heo các loại ổn định so với tháng trước, với mức giá cụ thể như sau: Thịt heo móng sẵn: 75.000 - 80.000 đ/kg, thịt heo thăn: 80.000 - 85.000 đ/kg; Giá bình quân thịt bò phi lê loại 1: 250.000 - 260.000 đ/kg; Thịt gà các loại: thịt gà công nghiệp nguyên con làm sẵn 50.000 - 55.000 đ/kg; Gà ta còn sống 105.000 - 110.000 đ/kg.

- Giá cá bình quân các loại ổn định so với tháng trước, với mức giá cụ thể như sau: Cá thu nguyên con 180.000 - 190.000 đ/kg; Giá cá lóc từ 65.000 - 70.000 đ/kg; Cá chép 70.000 - 75.000 đ/kg; Cá biển loại 4 giá bình quân từ 50.000 - 55.000 đ/kg.

- Giá bình quân các loại rau xanh giảm nhẹ so với tháng 11/2017, với mức giá cụ thể như sau: Rau bắp cải 14.000 - 16.000 đ/kg; bí xanh 13.000 - 14.000 đ/kg, giảm 500 - 1.000 đ/kg; cà chua 19.000 - 20.000 đ/kg, giảm 1.000 - 1.500 đ/kg.

- Giá thực phẩm công nghệ ổn định so với tháng trước: giá dầu ăn thực vật Simple: 44.000 - 45.000 đ/lít; muối hạt: 4.000 đ/kg; đường RE: 17.000 - 18.000 đ/kg.

3. Nhóm hàng nông sản:

Nhìn chung giá cả các mặt hàng ở nhóm hàng này diễn biến tăng, giảm so với tháng 11/2017, cụ thể như sau:

- Giá bình quân các loại đậu ổn định so với tháng trước: đậu tương: 19.000 - 20.000 đ/kg; Lạc nhân loại 1: 40.000 - 42.000 đ/kg.

- Giá bình quân cà phê nhân xô giảm 2.730 đ/kg so với giá bình quân tháng 11/2017, giá bình quân tháng 12/2017 là 36.050 đ/kg.

- Giá bình quân hạt tiêu đen loại 1 trong tháng 12/2017: 74.810 đ/kg, giảm so với giá bình quân tháng trước 1.240 đ/kg.

4. Giá vật tư và vật liệu xây dựng:

a/ Giá các loại vật tư:

Giá gas thể giới biến động nên các doanh nghiệp kinh doanh LPG tại Đắk Lắk điều chỉnh tăng giá bán LPG, cụ thể giá bán lẻ bình quân đến người tiêu dùng tháng 12/2017: 365.000 đồng/bình 12kg, tăng 1.000 đồng/bình 12kg

Giá các loại xăng, dầu trên thị trường Đắk Lắk hầu hết ở các công ty và đại lý kinh doanh xăng dầu thực hiện mức giá điều chỉnh của các doanh nghiệp. Trong tháng 12/2017 giá xăng dầu cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/12 đến ngày 31/12:
- + Xăng Ron 92 không chì: 18.950 đ/lít.
- + Dầu hỏa: 13.690 đ/lít.
- + Dầu Diezen 0,05%S: 15.310 đ/lít.

b/ Giá vật liệu xây dựng:

- Trong tháng 12/2017 giá vật liệu xây dựng ổn định so với tháng trước, với mức giá cụ thể: Thép tròn trơn Φ 6-8mm với mức giá bình quân 18.800 đ/kg; Xi măng PCB 40 Hoàng Thạch với mức giá bình quân 1.980 đ/kg.

5. Giá vàng và Đôla Mỹ:

Giá vàng bình quân trong tháng 12/2017 giảm so với giá vàng bình quân tháng 11/2017 từ 10.000 - 26.000 đ/chỉ, với mức giá bình quân tháng 12/2017 là 3.553.000 đ/chỉ. Tỷ giá bình quân đô la Mỹ và đồng Euro được niêm yết tại Ngân hàng Thương mại vào tháng 12/2017 cụ thể như sau: Tỷ giá đô la Mỹ là 22.750 đ/USD, ổn định so với tháng trước; Tỷ giá đồng Euro là 27.025,32 đ/Euro, tăng 235 đ/Euro so với tháng 11/2017.

II. Tình hình thực hiện công tác quản lý giá trong tháng 12/2017:

- Trình UBND tỉnh:

+ Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3275/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Bình ổn thị trường giá cả dịp cuối năm 2017 và Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018

+ Đề nghị ban hành Quyết định cho các đơn vị thực hiện Phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị từ năm 2018.

+ Phương án giá bán sỉ nước sạch sinh hoạt của Dự án cấp nước sinh hoạt liên xã, huyện Cư Kuin và bổ trợ nguồn nước sinh hoạt cho thành phố Buôn Ma Thuột.

+ Phê duyệt giá mua sắm vắc xin lở mồm long móng Aftovax Bivalent của Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

- Thẩm định phương án giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh Môi trường nông thôn Đắk Lắk xây dựng phương án giá nước sạch sinh hoạt.

- Thẩm định giá dịch vụ nghĩa trang và giá sử dụng phần mộ cá nhân tại Nghĩa trang thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Thông báo thẩm định giá mua sắm máy móc trang thiết bị, phương tiện phòng cháy chữa cháy rừng và bảo vệ rừng cấp bách của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk; giá mua hạt giống lúa để hỗ trợ khôi phục sản xuất do hậu quả lũ lụt gây ra tháng 5 năm 2017 trên địa bàn xã Buôn Triết; giá trị mua bò giống để thực hiện mô hình hỗ trợ phát triển các hình thức tổ chức sản xuất thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017; giá trị

mua sắm bổ sung sinh phẩm chẩn đoán của Bệnh viện Đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột; giá mua sắm vật tư y tế của Bệnh viện Đa khoa thị xã Buôn Hồ.

- Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo Quyết định trưng cầu của các cơ quan tổ tụng hình sự.

Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Cục Quản lý giá Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý giá;
- UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- BGĐ Sở TC;
- Phòng TCKH các huyện, thị xã, thành phố.
- Lưu: VT, CSVG (Th-23b).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Xuân Diệu

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 12 NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 24/BC-STC, ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Sở Tài chính Đắk Lắk)

STT	Mặt hàng	Đơn vị tính	11/2017	12/2017	Tăng giảm		Ghi chú
					Mức	%	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5-4)	(7=6/5)	
1	Giá bán lẻ						
1.001	Thóc tẻ thường	đ/kg	6.923	6.976	53	0,77	
1.002	Gạo tẻ thường	đ/kg	13.000	13.119	119	0,91	
1.003	Gạo thơm Đài Loan	đ/kg	17.023	17.167	144	0,84	
1.004	Thịt lợn thân	đ/kg	85.000	85.000	0	0,00	
1.005	Thịt lợn mỡ sấn	đ/kg	80.000	80.000	0	0,00	
1.006	Thịt bò phi lê	đ/kg	256.364	257.143	779	0,30	
1.007	Gà công nghiệp (làm sạch)	đ/kg	55.000	55.000	0	0,00	
1.008	Gà ta còn sống	đ/kg	103.182	105.000	1.818	1,73	
1.009	Cá lóc (cá quả)	đ/kg	70.000	70.000	0	0,00	
1.010	Cá chép/trắm	đ/kg	75.000	75.000	0	0,00	
1.011	Cá biển loại 4	đ/kg	50.000	52.381	2.381	4,55	
1.012	Cá thu nguyên con	đ/kg	180.000	180.000	0	0,00	
1.013	Giò lụa	đ/kg	110.000	110.000	0	0,00	
1.014	Rau bắp cải	đ/kg	16.000	16.000	0	0,00	
1.015	Bí xanh	đ/kg	14.727	14.000	-727	-5,19	
1.016	Cà chua	đ/kg	21.455	20.000	-1.455	-7,27	
1.017	Dầu ăn thực vật Simple	đ/lít	44.000	44.000	0	0,00	
1.018	Muối hạt	đ/kg	4.000	4.000	0	0,00	
1.019	Đường RE	đ/kg	17.205	17.476	271	1,55	
1.020	Sữa Ông Thọ	đ/hộp	19.000	19.000	0	0,00	
1.021	Bia chai Sài Gòn	đ/két	130.000	130.000	0	0,00	
1.022	Bia hộp Sài Gòn	đ/thùng	215.000	219.048	4.048	1,85	
1.023	Cocacola	đ/thùng	180.000	180.000	0	0,00	
1.024	7 up lon	đ/thùng	170.000	170.000	0	0,00	
1.025	Rượu vang nội chai 750ml	đ/chai	80.000	80.000	0	0,00	
1.026	Thuốc Vitamin C nội 500mg	đ/vĩ	8.000	8.000	0	0,00	
1.027	Thuốc Ampicillin nội 250mg	đ/vĩ	11.000	11.000	0	0,00	
1.029	Thuốc bảo vệ thực vật	đ/chai	91.350	91.350	0	0,00	
1.030	Thức ăn chăn nuôi sản xuất CN	đ/kg	14.700	14.700	0	0,00	
1.031	Lốp xe máy nội loại 1	đ/chiếc	230.000	230.000	0	0,00	
1.032	Ti vi 21 " LG	đ/chiếc	2.100.000	2.100.000	0	0,00	
1.033	Tủ lạnh 150ml 2 cửa sanyo	đ/chiếc	4.000.000	4.000.000	0	0,00	
1.035	Phân Urê Phú Mỹ	đ/kg	7.600	7.600	0	0,00	
1.036	Phân SA Nhật	đ/kg	4.600	4.600	0	0,00	
1.037	Xi măng PCB 40 Hoàng Thạch	đ/kg	1.980	1.980	0	0,00	
1.038	Thép XD Φ 6-8 LD	đ/kg	18.800	18.800	0	0,00	

1.039	Ống nhựa Bình Minh Φ90x2,9mm	đ/mét	54.000	54.000	0	0,00
1.040	Ống nhựa Bình Minh Φ21x1,6mm	đ/mét	7.000	7.000	0	0,00
1.041	Xăng Ron 92 - II	đ/lít	18.646	18.500	-146	-0,79
1.042	Dầu hoả	đ/lít	13.690	13.690	0	0,00
1.043	Diesel 0,05S	đ/lít	15.039	15.081	42	0,28
1.044	Gar Petro (VN/SG)	đ/b	364.000	365.000	1.000	0,27
1.045	Cước ô tô liên tỉnh Đắk Lắk - HCM	đ/vé	173.000	173.000	0	0,00
1.046	Cước taxi	đ/km	12.000	12.000	0	0,00
1.047	Cước xe buýt (<12km)	đ/vé	12.000	12.000	0	0,00
1.048	Công may quần âu nam/ nữ	đ/c	130.000	130.000	0	0,00
1.049	Trông giữ xe máy	đ/lần	3.000	3.000	0	0,00
1.050	Vàng 99,99%	đ/chi	3.578.364	3.552.762	-25.602	-0,72
1.053	Đôla Mỹ (NHTM)	đ/USD	22.750	22.749	0	0,00
1.056	Euro (NHTM)	đ/Euro	26.790,14	27.025,32	235	0,87
2	Giá mua nông sản		0	0		
2.006	Lợn hơi	đ/kg	27.591	29.190	1.600	5,48
2.011	Xoài	đ/kg	51.818	50.000	-1.818	-3,64
2.012	Thanh long	đ/kg	21.136	25.000	3.864	15,45
2.013	Cà phê nhân xô loại 1	đ/kg	38.782	36.048	-2.734	-7,58
2.014	Hạt tiêu đen	đ/kg	76.045	74.810	-1.236	-1,65
2.017	Đậu tương loại 1 (đậu nành)	đ/kg	19.636	20.000	364	1,82
2.018	Lạc nhân loại 1	đ/kg	41.273	41.714	441	1,06